

Số: 603/KH-GDĐT

Quận 7, ngày 15 tháng 6 năm 2021

KẾ HOẠCH TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	TÊN TRƯỜNG	KHỐI LỚP	NĂM HỌC 2020 - 2021												NĂM HỌC 2021 - 2022											
			SỐ LỚP						SỐ HỌC SINH						SỐ LỚP						SỐ HỌC SINH					
			Tổng số	1 buổi	2 buổi		TCTA	TA t.hợp	Tổng số	1 buổi	2 buổi		TCTA	TA t.hợp	Tổng số	1 buổi	2 buổi		TCTA	TA t.hợp	Tổng số	1 buổi	2 buổi		TCTA	TA t.hợp
					K.BT	Bán trú					K.BT	Bán trú					K.BT	Bán trú					K.BT	Bán trú		
1	Nguyễn Hữu Thọ	Sáu	12		2	10	10	2	571		91	480	496	75	12		2	10	8	2	520		90	430	360	70
		Bảy	12		1	11	8	1	570		48	522	386	38	12		2	10	10	2	571		91	480	496	75
		Tám	12		2	10	7	1	570		87	483	346	37	12		1	11	8	1	570		48	522	386	38
		Chín	11		2	9	4	2	476		73	403	201	60	12		2	10	7	1	570		87	483	346	37
		Tổng cộng	47		7	40	29	6	2187		299	1888	1429	210	48		7	41	33	6	2231		316	1915	1588	220
2	Trần Quốc Tuấn	Sáu	8	4		4	3		388	193		195	147		7		3	4	3		315		135	180	135	
		Bảy	9	5		4	2		397	204		193	99		8	4		4	3		388	193		195	147	
		Tám	9	4		5	2		380	171		209	82		9	5		4	2		397	204		193	99	
		Chín	7	0		3	1		294	0		147	48		8		4	4	2		380		171	209	82	
		Tổng cộng	33	13	0	16	8	0	1459	568	0	744	376	0	32	9	7	16	10	0	1480	397	306	777	463	0
3	Huỳnh Tấn Phát	Sáu	10		2	8	8		529		106	423	423		9		2	7	5	1	315		100	305	225	
		Bảy	10		2	8	7		500		100	400	345		10		2	8	8		530		100	430	423	
		Tám	9		2	7	5		423		90	333	249		10		2	8	7		500		100	400	345	
		Chín	9		2	7	4		408		90	318	194		9		2	7	5		423		90	333	249	
		Tổng cộng	38		8	30	24		1860		386	1474	1211		38		8	30	25		1768		390	1468	1242	

STT	TÊN TRƯỞNG	KHỐI LỚP	NĂM HỌC 2020 - 2021											NĂM HỌC 2021 - 2022												
			SỐ LỚP					SỐ HỌC SINH					SỐ LỚP					SỐ HỌC SINH								
			Tổng số	1 buổi	2 buổi		TCTA	TA t.hợp	Tổng số	1 buổi	2 buổi		TCTA	TA t.hợp	Tổng số	1 buổi	2 buổi		TCTA	TA t.hợp	Tổng số	1 buổi	2 buổi		TCTA	TA t.hợp
					K.BT	Bán trú					K.BT	Bán trú					K.BT	Bán trú					K.BT	Bán trú		
4	Nguyễn Thị Thập	Sáu	12	2		10	5		622	89		533	267		9	5		4	2	1	450	250		200	100	
		Bảy	12	2		10	4		606	98		508	207		12	2		10	5		622	89		533	267	
		Tám	11	3		8	3		517	137		380	139		12	2		10	4		606	98		508	207	
		Chín	9	5		4	2		435	225		210	102		11	3		8	3		517	137		380	139	
		Tổng cộng	44	12		32	14		2180	549		1631	715		44	12		32	14		2195	574		1621	713	
5	Nguyễn Hiền	Sáu	10		1	9	3		421		45	250	126		11		2	7	3		495		90	315	135	
		Bảy	11		2	9	4		416		64	210	142		10		1	9	3		421		45	250	126	
		Tám	10		2	8	3		409		85	200	124		11		2	9	4		416		64	210	142	
		Chín	8		2	6	3		336		98	117	121		10		2	8	3		409		85	200	124	
		Tổng cộng	39		7	32	13		1582		292	777	513		42		7	33	13		1741		284	975	527	
6	Hoàng Quốc Việt	Sáu	11	4	0	7	4	1	502	167	0	338	203	36	11	0	4	7	4	1	502	0	167	335	203	36
		Bảy	10	4	0	6	3	1	450	160	0	292	154	33	11	4	0	7	4	1	502	167	0	335	203	36
		Tám	10	4	0	6	2	1	432	149	0	279	100	34	10	4	0	6	3	1	450	160	0	292	154	33
		Chín	9	0	3	6	4	0	393	0	114	278	186	0	10	0	4	6	2	1	432	0	149	279	100	34
		Tổng cộng	40	12	3	25	13	3	1777	476	114	1187	643	103	42	8	8	26	13	4	1886	327	316	1241	660	139
7	Phạm Hữu Lầu	Sáu	10		2	8	7		530		103	427	427		11		3	8	8		550		150	400	400	
		Bảy	10		2	8	2		484		102	382	91		10		2	8	7		530		103	427	427	
		Tám	9		2	7	1		440		90	350	44		10		2	8	2		484		102	382	91	
		Chín	7		2	5	1		325		87	238	51		9		2	7	1		440		90	350	44	
		Tổng cộng	36		8	28	11		1779		382	1397	613		40		9	31	18		2004		445	1559	962	

STT	TÊN TRƯỜNG	KHỐI LỚP	NĂM HỌC 2020 - 2021												NĂM HỌC 2021 - 2022											
			SỐ LỚP						SỐ HỌC SINH						SỐ LỚP						SỐ HỌC SINH					
			Tổng số	1 buổi	2 buổi		TCTA	TA t.hợp	Tổng số	1 buổi	2 buổi		TCTA	TA t.hợp	Tổng số	1 buổi	2 buổi		TCTA	TA t.hợp	Tổng số	1 buổi	2 buổi		TCTA	TA t.hợp
					K.BT	Bán trú					K.BT	Bán trú					K.BT	Bán trú					K.BT	Bán trú		
Toàn ngành	Sáu	73	10	7	56	40	3	3563	449	345	2646	2089	111	70	5	16	47	33	5	3147	250	732	2165	1558	106	
	Bảy	74	11	7	56	30	2	3423	462	314	2507	1424	71	73	10	7	56	40	3	3564	449	339	2650	2089	111	
	Tám	70	11	8	51	23	2	3171	457	352	2234	1084	71	74	11	7	56	30	2	3423	462	314	2507	1424	71	
	Chín	60	5	11	40	19	2	2667	225	462	1711	903	60	69	3	16	50	23	2	3171	137	672	2234	1084	71	
Tổng cộng			277	37	33	203	112	9	12824	1593	1473	9098	5500	313	286	29	46	209	126	12	13305	1298	2057	9556	6155	359

NGƯỜI LẬP BẢNG

Lê Thị Hồng Gấm

Lê Thị Hồng Gấm

TRƯỞNG PHÒNG



Ngô Xuân Đông

Ngô Xuân Đông

